

DANH SÁCH SV K37
NGÀNH GDMN NHẬN HỌC
BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC
TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2011 -
2012

Kèm theo Quyết định số
2097/QĐ-ĐHSP ngày
19.10.2012

STT	TMS	Họ	Tên	Điểm	Điểm	Số
		SV	m	m	tiền	
			TB	RL		
1	K37	Ngu Châ	3.2	89	150	
		.902 yễn u			000	
		.004 Thị			0	
		Ngọ				
		c				
2	K37	Pha Duy	2.95	80	120	
		.902 n Cầen			000	
		.009 nh			0	
		Thị				
		Mỹ				
3	K37	Ngu Hân	3.08	93	120	
		.902 yễn g			000	
		.017 Thị			0	
		Ngọ				
		c				
4	K37	Lê Hà	3.1	85	120	
		.902 Thị			000	
		.023 Thu			0	
5	K37	Pha Hảo	3.2	94	150	
		.902 n			000	
		.028 Thị			0	
		Ngọ				
		c				
6	K37	Đặng Hiê	3.13	86	120	
		.902 g n			000	
		.035 Thị			0	
		Thu				
7	K37	Trà Hôn	3.1	77	120	
		.902 n g			000	
		.039 Thị			0	
		Thú				
		y				
8	K37	Phạ Liễu	3.2	78	120	
		.902 m H			000	
		.050 oàn			0	
		g				
9	K37	Ngu Loa	3.3	81	150	

		.902 yễn n	000
		.053 Thị Kim	0
10	K37 Ngu Mai 3.13 88	120	
		.902 yễn	000
		.058 Thị Ngộ c	0
11	K37 Bùi Ngâ 3.13 83	120	
		.902 Nữ n	000
		.061 Hồn g	0
12	K37 Ngu Ngộ 3.3 82	150	
		.902 yễn c	000
		.064 Thị Bíc h	0
13	K37 Trà Ngộ 3.33 84	150	
		.902 n c	000
		.066 Kim	0
14	K37 Trà Ngộ 3.25 81	150	
		.902 n c	000
		.067 Thị Hồn g	0
15	K37 Vũ Nhu 2.98 82	120	
		.902 Thị ng	000
		.074 Tuy ết	0
16	K37 Lê Nhu 2.98 76	120	
		.902 Thị ng	000
		.076 Tuy ết	0
17	K37 Ngu Phú 3.23 88	150	
		.902 yễn c	000
		.086 Thị Diễ m	0
18	K37 Đạn Phư 3.15 86	120	
		.902 g N ơng	000
		.087 guy ễn	0
		Thị Bíc h	
19	K37 Ngu Phư 3.05 80	120	
		.902 yễn ơng	000
		.089 Thị	0
20	K37 Ngu Phư 3.05 78	120	
		.902 yễn ơng	000

	.090 Thị	0
	Trú	
	c	
21	K37 Ngu Quy 3.05 82	120
	.902 yễn ên	000
	.091 Thị	0
	Mỹ	
22	K37 Ngu Quỳ 3.25 81	150
	.902 yễn nh	000
	.093 Hoà	0
	ng	
	Xuâ	
	n	
23	K37 Ngu Sinh 3.13 93	120
	.902 yễn	000
	.095 Thị	0
	Thú	
	y	
24	K37 Trà Thủ 2.98 80	120
	.902 n Thy	000
	.115 anh	0
25	K37 Mai Thư 2.98 85	120
	.902 Anh	000
	.118	0
26	K37 Lê Tra 3 97	120
	.902 Thị ng	000
	.122 Kiề	0
	u	
27	K37 Trà Trâ 3.28 90	150
	.902 n m	000
	.126 Thị	0
	Hồn	
	g	
28	K37 Đào Tư 3.25 80	150
	.902 Thị i	000
	.140 Min	0
	h	
29	K37 Ngu Yên 3.3 94	150
	.902 yễn	000
	.149 Thị	0
	Hồn	
	g	
30	K37 Trà Yên 3.23 89	150
	.902 n	000
	.150 Thị	0
	Mỹ	

Danh
sách xét
thêm

1	K37 Trà Hà	2.93 86	120
	.902n		000
	.026 Thị		0
	Thu		
2	K37 Thái Hiề	2.9 74	120
	.902 Thị n		000
	.033 Kim		0
3	K37 Vũ Hươ	2.9 79	120
	.902 Thị ng		000
	.045 Mai		0
4	K37 Võ Ngu	2.93 87	120
	.902 Thị yệt		000
	.069 Ánh		0
5	K37 Đào Như	2.95 78	120
	.902 Thị		000
	.077 Hồn		0
	g		
6	K37 Ngu Sươ	2.93 78	120
	.902 yễn ng		000
	.096 Hoà		0
	i		
7	K37 Đin Vi	2.93 82	120
	.902 h		000
	.145 Thị		0
	Mai		